

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 33 /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Giao trách nhiệm quản lý nhà nước và phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý, xử lý, ghi sổ kế toán, tính hao mòn, trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 73/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 36/2025/TT-BTC;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định giao trách nhiệm quản lý nhà nước và phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý, xử lý, ghi sổ kế toán, tính hao mòn, trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quyết định này quy định giao trách nhiệm quản lý nhà nước và phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý, xử lý, ghi sổ kế toán, tính hao mòn, trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; khoản 3 Điều 3, điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư số 73/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 36/2025/TT-BTC

b) Quyết định này không điều chỉnh đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính;
- b) Ủy ban nhân dân xã, phường;
- c) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thanh lý, xử lý, ghi sổ kế toán, tính hao mòn, trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

Điều 2. Giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.
2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định thanh lý và xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/tài sản do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.
2. Sở Xây dựng quyết định thanh lý và xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/tài sản do các cơ quan, đơn vị quản lý thuộc cấp tỉnh quản lý.
3. Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định thanh lý và xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/tài sản do Ủy ban nhân dân xã, phường được giao quản lý.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định việc ghi sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do nhà nước đầu tư, quản lý giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc ghi sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thực hiện theo một hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh hoặc từng tài sản độc lập đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao quản lý tài sản.
2. Sở Xây dựng quyết định việc ghi sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thực hiện theo một hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh hoặc từng tài sản độc lập đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao quản lý tài sản trên cơ sở đề xuất của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và cơ quan quản

lý cấp trên của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (nếu có).

3. Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định việc ghi sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thực hiện theo một hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh hoặc từng tài sản độc lập đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung do Ủy ban nhân dân xã, phường được giao quản lý.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định thời gian tính hao mòn/trích khấu hao và tỷ lệ hao mòn/khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do nhà nước đầu tư, quản lý giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định thời gian tính hao mòn/trích khấu hao và tỷ lệ hao mòn/khấu hao cụ thể đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung.

2. Sở Xây dựng quyết định thời gian tính hao mòn/trích khấu hao và tỷ lệ hao mòn/khấu hao cụ thể đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh theo quy định tại.

b) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung cho đối tượng quản lý đảm bảo thống nhất, phù hợp với điều kiện cụ thể về quy mô công trình, công nghệ cấp nước, xử lý nước, đặc điểm kinh tế, xã hội của từng đối tượng tại địa phương và các điều kiện khác theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan đơn vị có liên quan hướng dẫn đối tượng được giao quản lý tài sản lập hồ sơ, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

đ) Chủ trì, phối hợp với cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh để lập phương án khai thác tài sản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.



e) Chủ trì, đơn đốc, tổng hợp báo cáo kê khai các công trình cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính nhập dữ liệu trên phần mềm quản lý công trình nước sạch nông thôn.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

2. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị cho đối tượng quản lý đảm bảo thống nhất, phù hợp với điều kiện cụ thể về quy mô công trình, công nghệ cấp nước, xử lý nước, đặc điểm kinh tế, xã hội của từng đối tượng tại địa phương và các điều kiện khác theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan đơn vị có liên quan hướng dẫn đối tượng được giao quản lý tài sản lập hồ sơ, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

đ) Chủ trì, phối hợp với cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh để lập phương án khai thác tài sản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

3. Sở Tài chính:

a) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng thực hiện xác định thời gian tính hao mòn/trích khấu hao và tỷ lệ hao mòn/khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên ngành quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.

b) Thực hiện duyệt dữ liệu trên phần mềm quản lý công trình nước sạch nông thôn.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường :

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc

quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung thuộc phạm vi quản lý được giao theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang giao trách nhiệm quản lý nhà nước và phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch trên địa bàn tỉnh Hà Giang và số thứ tự 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; Thủ trưởng Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Như Điều 7 (Thi hành);
- Các Phó chánh VPUBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh – truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin – Hội nghị tỉnh;
- Cơ sở Dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, KTN, KTTH (Bích, Tuấn)



Phan Huy Ngọc

